TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2018/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 20 tháng 3 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Khắc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Khắc T và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Khắc T và chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

- ***Về con chung***: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Trần Thái A, sinh ngày 08/02/2015 cho anh Trần Khắc T trực

tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung, nợ chung***: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Anh T thoả thuận chịu 150.000 đồng *một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp là **300.000** đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009324 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Anh Trần Khắc T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Ngô Văn Minh